

CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Digitally signed by
CÔNG TY CỔ PHẦN
HALCOM VIỆT NAM

Date: 2026.07.30
10:58:12 +07'00'

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
To: The State Securities Commission;
The Stock Exchange of Ho Chi Minh city.

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM

Name of organization: HALCOM VIETNAM JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/ Stock Symbol: HIC

- Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội

Address: Floor No.09, Hoa Binh Tower, No.106 Hoang Quoc Viet street, Nghia Do ward, Hanoi city

- Điện thoại liên hệ/ Telephone: 024 3562 4709

- Email: info@halcom.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ Contents of disclosure: Báo cáo tài chính riêng Quý II năm tài chính 2026 của Công ty CP Halcom Việt Nam – Bản Tiếng Việt/ Separate financial statements for the 2nd quarter of fiscal year 2026 of Halcom Vietnam Joint Stock Company - Vietnamese version

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/7/2026 tại đường dẫn <https://halcom.vn/category/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/>
This information was published on the company's website on 30/7/2026, as in the link <https://halcom.vn/category/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.



We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

*Tài liệu đính kèm/ Attached documents:
Báo cáo tài chính riêng Quý II năm tài
chính 2026 – Bản Tiếng Việt/ Separate
financial statements for the 2nd quarter
of fiscal year 2026 – Vietnamese
version*

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT/
Party authorized to disclose information**



**Nguyễn Thu Trang/
Nguyen Thu Trang**



CÔNG TY CỔ PHẦN HALCOM VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 43



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty tự lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Huân	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Dũng	Phó Chủ tịch
Ông Đoàn Năng Liên	Thành viên HĐQT độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Hà Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 05/01/2026

Ban Kiểm soát

Bà Bùi Thị Xuyên	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Nguyệt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/06/2026
Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/06/2026
Bà Trần Thị Minh Huệ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/06/2026
Ông Nguyễn Đức Quyết	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25/06/2026

Dại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Quang Huân - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Bổ nhiệm từ ngày 11/05/2026
	Bổ nhiệm từ ngày 05/01/2026
Ông Phùng Ngọc Sơn	Miễn nhiệm từ ngày 11/05/2026
Bà Nông Thanh Ngọc	Bổ nhiệm từ ngày 15/11/2025
	Miễn nhiệm từ ngày 05/01/2026

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng này.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30/06/2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)

Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phân đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Nguyễn Quang Huân

Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026

Mẫu số B01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 30/06/2026

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		155.729.920.925	153.478.713.921
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	644.151.427	3.017.829.830
Tiền	111		644.151.427	3.017.829.830
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	20.811.584.930	19.700.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20.811.584.930	19.700.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		129.015.063.754	126.613.666.990
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	27.278.211.327	9.460.399.020
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	82.253.124.103	77.932.892.956
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	19.634.785.975	39.371.432.665
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn	137	6	(151.057.651)	(151.057.651)
Hàng tồn kho	140	9	934.093.725	650.598.145
Hàng tồn kho	141		934.093.725	650.598.145
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.325.027.089	3.496.618.956
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1.200.466.545	567.950.313
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.124.560.544	2.928.668.643
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	-	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.073.437.458.160	1.034.223.889.547
Các khoản phải thu dài hạn	210		397.401.000	397.401.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	397.401.000	397.401.000
Tài sản cố định	220		1.281.401.873	1.507.975.871
Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.281.401.873	1.507.975.871
- Nguyên giá	222		6.320.518.961	6.320.518.961
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.039.117.088)	(4.812.543.090)
Tài sản dở dang dài hạn	240		247.834.131.721	224.179.138.506
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	247.834.131.721	224.179.138.506
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	823.547.276.608	807.611.337.535
Đầu tư vào công ty con	251		829.196.637.547	829.196.637.547
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		87.619.992.656	87.619.992.656
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(93.269.353.595)	(109.205.292.668)
Tài sản dài hạn khác	260		377.246.958	528.036.635
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	377.246.958	528.036.635
TỔNG TÀI SẢN	270		1.229.167.379.085	1.187.702.603.468

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2026

NỢ PHẢI TRẢ	300		429.248.802.506	398.369.344.370
Nợ ngắn hạn	310		168.348.802.506	157.150.095.031
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	23.740.830.632	21.871.637.861
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	1.027.879.000	4.450.592.820
Thuế và các khoản phải nộp Nhà	313	15	5.808.198.426	3.562.247.182
Phải trả người lao động	314		2.146.891.825	1.648.105.050
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	745.449.649	1.804.922.274
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	3.588.280.597	42.421.900.732
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	129.397.426.396	79.496.843.131
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.893.845.981	1.893.845.981
Nợ dài hạn	330		260.900.000.000	241.219.249.339
Phải trả dài hạn khác	337	18	-	100.000.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	260.900.000.000	141.219.249.339
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		799.918.576.579	789.333.259.098
Vốn chủ sở hữu	410	19	799.918.576.579	789.333.259.098
Vốn góp của chủ sở hữu	411		767.650.320.000	767.650.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		767.650.320.000	767.650.320.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		536.587.297	536.587.297
Cổ phiếu quỹ	415		(58.859.397)	(58.859.397)
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.040.795.104	2.040.795.104
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29.749.733.575	19.164.416.094
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		19.164.416.094	21.802.532.306
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		10.585.317.481	(2.638.116.212)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.229.167.379.085	1.187.702.603.468

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Tô Thị Minh



Nguyễn Thị Bích Ngọc

Chức vụ: **HDQT**

Nguyễn Quang Huân

Mẫu số B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/04/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025
					VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	95.779.111.046	145.768.415.065	154.264.760.687	230.592.922.069
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		95.779.111.046	145.768.415.065	154.264.760.687	230.592.922.069
Giá vốn hàng bán	11	22	86.498.697.397	47.696.831.826	142.475.848.319	118.412.458.087
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.280.413.649	98.071.583.239	11.788.912.368	112.180.463.982
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	916.829.371	118.817.698	1.547.309.413	119.100.534
Chi phí tài chính	22	24	(14.626.457.479)	4.102.610.072	(10.179.404.679)	26.841.131.161
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.423.036.513	1.854.948.862	4.295.235.434	3.594.080.632
Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	4.342.420.453	19.827.083.000	10.673.798.695	24.015.380.274
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.481.280.046	74.260.707.865	12.841.827.765	61.443.053.081
Thu nhập khác	31	27	-	105.057	5.918.350	105.057
Chi phí khác	32	28	11.646.176	13.881.577	62.959.074	23.021.696
Lợi nhuận khác	40		(11.646.176)	(13.776.520)	(57.040.724)	(22.916.639)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		20.469.633.870	74.246.931.345	12.784.787.041	61.420.136.442
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	2.199.469.560	12.518.612.998	2.199.469.560	12.317.916.428
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		18.270.164.310	61.728.318.347	10.585.317.481	49.102.190.014

Người lập biểu



Tô Thị Minh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Bích Ngọc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026



Nguyễn Quang Huân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		12.784.787.041	61.420.136.442
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		226.573.998	226.573.998
Các khoản dự phòng	03		(15.935.939.073)	21.975.348.555
Lãi hoạt động đầu tư	05		(1.547.309.413)	(119.100.534)
Chi phí lãi vay	06		4.295.235.434	3.594.080.632
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(176.652.013)	87.097.039.093
(Tăng) / Giảm các khoản phải thu	09		(3.243.383.314)	(72.950.270.153)
Giảm / (Tăng) hàng tồn kho	10		(283.495.580)	2.500.599.167
Tăng / (Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(29.502.323.435)	217.677.638.577
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		(481.726.555)	54.373.652
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.346.704.540)	(2.723.393.834)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(301.384.675)	(1.585.578.240)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20		(39.335.670.112)	230.070.408.262
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(33.055.066.700)	(186.997.563.724)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.943.500.000)	(7.600.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.210.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(83.440.400.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	119.100.534
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.169.224.483	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(32,619,342,217)	(277.918.863.190)

Mẫu số B03-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		180.128.911.977	172.659.612.536
Tiền trả nợ gốc vay	34		(110.547.578.051)	(128.984.594.923)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		69.581.333.926	43.675.017.613
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2.373.678.403)	(4.173.437.315)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	3.017.829.830	4.639.080.179
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	644.151.427	465.642.864

Người lập biểu

Tô Thị Minh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026

Chức tích HĐQT



Nguyễn Quang Huân

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

Mẫu số B09-DN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty TNHH Phát triển hạ tầng Thăng Long, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101143879 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/07/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 05 tháng 11 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Tầng 9, Tòa nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đến ngày 30/06/2026 là 767.650.320.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm sáu mươi bảy tỷ, sáu trăm năm mươi triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng) chia thành 76.765.032 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu của công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là: HID.

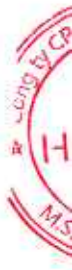
Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2026 là 36 người (tại ngày 31/12/2025 là 47 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Thiết kế công trình thủy lợi; Giám sát thi công xây dựng loại công trình: giao thông (cầu, đường bộ), lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công trình thủy lợi; Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Tư vấn lập dự án, quy hoạch các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng; Tư vấn thẩm tra thiết kế kỹ thuật và lập dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn thiết kế quy hoạch xây dựng; Tư vấn thiết kế kiến trúc công trình, thiết kế kết cấu, thiết kế điện đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thiết kế điện đối với công trình cấp thoát nước, vệ sinh môi trường; Tư vấn thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Tư vấn lập kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu và đánh giá thầu (Không bao gồm xác định giá gói thầu và giá hợp đồng trong xây dựng) cho các dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn đánh giá dự án đầu tư; Tư vấn, khảo sát, giám sát thi công và tổ chức thi công các công trình điện dưới 35 KV; Tư vấn, khảo sát, giám sát thi công: công trình cấp thoát nước môi trường; Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (gồm Cấp nước, Thoát nước, Xử lý chất thải rắn); Thiết kế xây dựng công trình giao thông (gồm: đường bộ, cầu - hầm); Thiết kế xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn; Giám sát công tác xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- Mua bán thương mại thép cây, thép hình và ống inox các loại;
- Các hoạt động kinh doanh khác.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong kỳ: kinh doanh thương mại, cung cấp dịch vụ kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 30/06/2026, Công ty có các công ty con, công ty liên kết như sau:

Danh sách các công ty con kiểm soát trực tiếp:

Tên công ty con trực tiếp	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Cần Thơ (1)	Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	Xây dựng	96,88%	96,88%
Công ty Cổ phần Phong điện Miền Trung	Xã Cát Tiến, Gia Lai	Sản xuất điện	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	Xã Thuận Thành, Bắc Ninh	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	93,61%	93,61%
Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình (2)	Phường Đồng Hới, Quảng Trị	Sản xuất điện	96,15%	96,15%
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang (3)	Xã Hòa An, Cần Thơ	Sản xuất điện	99,28%	99,28%
Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng Công nghệ môi trường Miền Bắc (4)	Phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	98,00%	98,00%
Công ty TNHH Halcom (Cambodia) (5)	Thành phố Phnom Pênh	Bán buôn vật liệu, dụng cụ xây dựng	100,00%	100,00%

(1) Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Cần Thơ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801610432 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 06/08/2018. Vốn điều lệ là 2.500.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

- (2) Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3101106872 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 20/09/2021. Vốn điều lệ là 2.080.000.000 đồng.
- (3) Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom – Hậu Giang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300346708 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 08/09/2021 với số vốn điều lệ 100 tỷ đồng. Theo Quyết định số 34/2025/QĐ-HĐQT/HALCOM ngày 10/12/2025, công ty tăng vốn lên 278 tỷ đồng. Trong đó, Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam sở hữu 99,28%, ông Nguyễn Việt Dũng sở hữu 0,36% và ông Phùng Ngọc Sơn sở hữu 0,36% vốn.
- (4) Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng Công nghệ Môi trường Miền Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107613489 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/10/2016, đăng ký thay đổi lần thứ sáu tại ngày 21/01/2026 với số vốn điều lệ 250 tỷ đồng.
- (5) Công ty TNHH Halcom (Cambodia) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000486108 do Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia cấp. Địa chỉ trụ sở tại thành phố Phnôm Pênh. Tại ngày 30/06/2026, tổng số vốn Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam đã góp vào công ty này là 790.800.000 đồng.

Danh sách các công ty con kiểm soát gián tiếp:

Tên công ty con gián tiếp	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Khoáng sản Sao Phương Bắc (6)	Phường Đoàn Kết, Tỉnh Lai Châu,	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	51,00%	51,00%

(6) Halcom đã góp 13,24% vốn tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Sao Phương Bắc. Đồng thời, Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng Công nghệ Môi trường Miền Bắc (Công ty con) cũng đã nhận chuyển nhượng 37,76% vốn góp của Công ty Cổ phần Khoáng sản Sao Phương Bắc. Do đó tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Sao Phương Bắc là 51% và Công ty Cổ phần Khoáng sản Sao Phương Bắc là công ty con gián tiếp của Công ty. Đến thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần Khoáng sản Sao Phương Bắc vẫn đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý để được cấp Quyền khai thác khoáng sản đối với Dự án khai thác vàng gốc khu vực Nậm Kha A, thuộc xã Mù Că, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu (nay là xã Mù Că, tỉnh Lai Châu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng của Công ty đã được kiểm toán cho giai đoạn từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025; do khác biệt về kỳ kế toán nên các số liệu này không có tính so sánh với số liệu của kỳ hiện tại.

1.6 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KỲ KẾ TOÁN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026, các hoạt động kinh doanh chính của công ty bao gồm: kinh doanh thương mại, cung cấp dịch vụ kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27/10/2025 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính trước đây của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm Dương lịch. Năm tài chính năm nay Công ty chuyển sang năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này:

3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Báo cáo tài chính được lập là báo cáo tài chính riêng của Công ty. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- (i) Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- (ii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- (iii) Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
- (iv) Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong kỳ là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính riêng của công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ. Bao gồm: chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí thực hiện dự án, chi phí hạ tầng dự án, ... của các phần dự án chưa được ghi nhận doanh thu tại thời điểm cuối kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Máy móc, thiết bị	06 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04 năm

3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒI DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty bao gồm các tài sản là các dự án xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

3.10 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 NỢ PHẢI TRẢ (TIẾP)

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí nhân công được ghi nhận dựa trên bảng dự toán công việc, bảng dự toán chi phí.

Chi phí lãi vay được xác định dựa vào hợp đồng, khế ước vay, lãi suất và thời gian vay thực tế.

Các khoản chi phí khác được trích trước dựa trên Hợp đồng, biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và các chứng từ khác có liên quan.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

3.12 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay dài hạn.

3.13 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

3.15 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu/các cổ đông/các thành viên được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên phê duyệt, danh sách danh sách cổ đông/thành viên góp vốn được chốt chính thức và được Ủy ban Chứng khoán chấp thuận.

3.16 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu từ doanh thu bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ tư vấn,...

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa (tiếp)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.17 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã xuất bán hoặc đã cung cấp trong kỳ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, giá vốn hàng bán còn bao gồm các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho kể cả khi sản phẩm hàng hóa chưa được tiêu thụ; giá trị hàng tồn kho bị hao hụt, mất mát và khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.18 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay.

3.19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán riêng và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng cân đối kế toán riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

3.20 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tập đoàn kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan trong kỳ tài chính được Công ty trình bày tại thuyết minh số 31.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	644.151.427	3.017.829.830
Cộng	644.151.427	3.017.829.830

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	30/06/2026			01/01/2026		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Đầu tư vào công ty con	829.196.637.547	(93.153.438.868)		829.196.637.547	(109.089.377.941)	
+ Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Cần Thơ	2.421.880.000	(1.377.979.077)	(*)	2.421.880.000	(1.377.979.077)	(*)
+ Công ty TNHH Halcom (Cambodia)	790.800.000	(197.102.214)	(*)	790.800.000	(197.102.214)	(*)
+ Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Halcom - Hậu Giang	276.000.000.000	(13.948.380.870)	(*)	276.000.000.000	(27.847.661.446)	(*)
+ Công ty Cổ phần Phong Điện	150.100.750.000	(57.001.670.767)	(*)	150.100.750.000	(59.038.329.264)	(*)
+ Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	152.883.207.547	(20.302.965.515)	(*)	152.883.207.547	(20.302.965.515)	(*)
+ Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình	2.000.000.000	-	(*)	2.000.000.000	-	(*)
+ Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng công nghệ môi trường Miền Bắc	245.000.000.000	(325.340.425)	(*)	245.000.000.000	(325.340.425)	(*)
- Đầu tư vào đơn vị khác	87.619.992.656	(115.914.727)		87.619.992.656	(115.914.727)	
+ Công ty Cổ phần Khoáng sản Sao Phương Bắc	87.619.992.656	(115.914.727)	(*)	87.619.992.656	(115.914.727)	(*)
Total	916.816.630.203	(93.269.353.595)		916.816.630.203	(109.205.292.668)	

(*) Tại ngày 30/06/2026, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.1 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC (TIẾP)

Tóm tắt tình hình các Công ty con:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
<i>Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Cần Thơ</i>	Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	96,88%	96,88%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801610432 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 06/08/2018. Vốn điều lệ 2.500.000.000 đồng. Hoạt động kinh doanh chính: xây dựng. Hiện nay, Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.
<i>Công ty TNHH Halcom (Cambodia)</i>	Thành phố Phnom Pênh	100,00%	100,00%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1000486108 do Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia cấp ngày 01/04/2025. Vốn điều lệ 750.000 USD, tương đương 19.305.000.000 VNĐ. Hoạt động kinh doanh chính: xuất nhập khẩu bán buôn hàng hóa thiết bị,...
<i>Công ty Cổ phần Điện Mặt trời Halcom - Hậu Giang</i>	Xã Hòa An, Cần Thơ	99,28%	99,28%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300346708 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 08/09/2021, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 13/04/2026. Vốn điều lệ 278 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: sản xuất điện.
<i>Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung</i>	Xã Cát Tiến, Gia Lai	51,00%	51,00%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100656522 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 13/08/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 01/11/2023. Vốn điều lệ 294,3 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: sản xuất điện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.1 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC (TIẾP)

Tóm tắt tình hình các Công ty con (tiếp):

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh
<i>Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành</i>	Xã Thuận Thành, Bắc Ninh	93,61%	93,61%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300307123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 12/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 20/04/2023. Vốn điều lệ 145 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước.
<i>Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình</i>	Phường Đồng Hới, Quảng Trị	96,15%	96,15%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3101106872 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 20/09/2021. Vốn điều lệ là 2.080.000.000 đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất điện. Hiện nay Công ty đang trong giai đoạn xúc tiến đầu tư dự án.
<i>Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng công nghệ môi trường Miền Bắc</i>	Phường Việt Hưng, Hà Nội	98,00%	98,00%	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107613489 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27/10/2016, thay đổi lần thứ 6 ngày 21/01/2026. Vốn điều lệ 250 tỷ đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại.

- (1) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần khoáng sản Sao Phương Bắc. Công ty Cổ phần khoáng sản Sao Phương Bắc hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6200026126 ngày 13/7/2009. Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đến ngày 30/06/2026 là 128.000.000.000 đồng. Hoạt động kinh doanh chính: Khai thác quặng kim loại quý hiếm. Đến thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần khoáng sản Sao Phương Bắc vẫn đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý để được cấp Quyền khai thác khoáng sản đối với Dự án khai thác vàng gốc khu vực Nậm Kha Á, thuộc xã Mù Cỏ, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu (nay là xã Mù Cỏ, tỉnh Lai Châu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- BQLDA thực hiện DA hợp phần phát triển toàn diện kinh tế xã hội đô thị Hưng Yên	1.266.967.986	-	1.266.967.986	-
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trịnh Diện	445.715.065	-	-	-
- Công ty TNHH Tài Chính Thịnh Vượng	2.705.000.000	-	2.705.000.000	-
- Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh thương mại MCC	4.120.262.052	-	-	-
- Công ty TNHH Growth Levers Ventures Việt Nam	1.069.200.000	-	-	-
- Công ty CP Fumee Tech	8.193.462.750	-	-	-
- Công ty CP ĐTXD và công nghệ Hưng An	5.242.919.700	-	-	-
- Các đối tượng khác	4.234.683.774	(151.057.651)	5.488.431.034	(151.057.651)
Cộng	27.278.211.327	(151.057.651)	9.460.399.020	(151.057.651)

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Tổng Công ty Đầu tư Nước và Môi trường Việt Nam	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Nhựa Châu Âu Xanh	100.000.000	-	100.000.000	-
- Ban Quản lý Dự án và giải phóng mặt bằng Khu kinh tế	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Nước Halcom Nhơn Hội (*)	69.800.000.000	-	75.600.000.000	-
- Halcom (Cambodia) CL., LTD	1.354.600.000	-	1.354.600.000	-
- Công ty TNHH thể thao và giải trí Thiên Mã	4.843.931.308	-	-	-
- Các đối tượng khác	6.154.592.795	-	878.292.956	-
Cộng	82.253.124.103	-	77.932.892.956	-

(*) Khoản ứng trước cho Công ty Cổ phần Nước Halcom Nhơn Hội theo Hợp đồng số 801/2025/HĐEPC/HAL-NNH ngày 01/08/2025 về thiết kế, mua sắm vật tư và thiết bị, thi công xây dựng và lắp đặt Dự án Hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nhơn Hội Giai đoạn 2 và Hợp đồng số 801A/2025/HĐO&M/HAL-NNH ngày 01/08/2025 về Đào tạo và quản lý vận hành Nhà máy nước Khu Kinh tế Nhơn hội giai đoạn 1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

8. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	19.634.785.975	-	39.371.432.665	-
- Ký cược, ký quỹ	18.000.000	-	18.000.000	-
- Tạm ứng	792.025.120	-	305.655.297	-
- Phải thu khác	18.824.760.855	-	39.047.777.368	-
+ Công ty Cổ phần An Lạc Sơn (*)	18.784.355.957	-	38.282.355.957	-
+ Các đối tượng khác	40.404.898	-	765.421.411	-
b) Dài hạn	397.401.000	-	397.401.000	-
- Ký cược, ký quỹ	397.401.000	-	397.401.000	-
Cộng	20.032.186.975	-	39.768.833.665	-

(*) Khoản phải thu Công ty Cổ phần An Lạc Sơn theo Biên bản thanh lý ngày 26/3/2025 của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2019/HĐHT/HAL-ALS ngày 14/05/2019.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

9. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	934.093.725	-	650.598.145	-
+ TVGS <i>Phát triển thành phố Xanh loại II - Gói thầu số 21</i> <i>Tin dụng No. 3590-VIE, HD số HU-CS01</i>	588.426.660	-	-	-
+ Các hợp đồng khác	345.667.065	-	650.598.145	-
Cộng	934.093.725	-	650.598.145	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
- DA đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước khu kinh tế Nhơn Hội (*)	233.934.431.442	212.353.346.668
- Dự án Phương Mai 3 - Resort	6.597.490.470	6.597.490.470
- Dự án ĐTXĐ nhà máy điện gió ngoài khơi Lệ Thủy - Quảng Bình 1		
- Các dự án khác	7.302.209.809	5.228.301.368
Cộng	247.834.131.721	224.179.138.506

(*) Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nhơn Hội, mục tiêu: đầu tư xây dựng và kinh doanh hệ thống cấp nước ngọt với tổng công suất 50.000 m³/ngày đêm, được xây dựng theo 3 giai đoạn: Giai đoạn 1 (Quý 4/2019- Quý 4/2024): công suất 10.000m³/ngày đêm, Giai đoạn 2 (Năm 2025- Năm 2026): nâng công suất nhà máy thành 20.000m³/ngày đêm, Giai đoạn 3 (Năm 2027-Năm 2030): nâng công suất nhà máy thành 50.000m³/ngày đêm. Thời gian hoạt động của dự án là 50 năm.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.200.466.545	567.950.313
- Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ	736.360	15.018.062
- Chi phí mua bảo hiểm	34.196.660	107.264.828
- Chi phí thuê GCN quyền sử dụng đất, thuê văn phòng	1.091.034.500	406.315.500
- Chi phí trả trước khác ngắn hạn	74.499.025	39.351.923
b) Dài hạn	377.246.958	528.036.635
- Chi phí mua bảo hiểm	17.104.744	22.840.366
- Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	69.957.574	100.675.264
- Chi phí xây dựng quy trình, hệ thống Công	279.555.564	378.222.228
- Chi phí trả trước khác	10.629.076	26.298.777
Cộng	1.577.713.503	1.095.986.948

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2026	105.684.416	6.182.389.090	32.445.455	6.320.518.961
30/06/2026	<u>105.684.416</u>	<u>6.182.389.090</u>	<u>32.445.455</u>	<u>6.320.518.961</u>
HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2026	(105.684.416)	(4.674.413.219)	(32.445.455)	(4.812.543.090)
- Khấu hao trong kỳ	-	(226.573.998)	-	(226.573.998)
30/06/2026	<u>(105.684.416)</u>	<u>(4.900.987.217)</u>	<u>(32.445.455)</u>	<u>(5.039.117.088)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2026	-	1.507.975.871	-	1.507.975.871
30/06/2026	-	<u>1.281.401.873</u>	-	<u>1.281.401.873</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2026 là 1.789.038.961 đồng (tại ngày 01/01/2026 là 1.789.038.961 đồng).

Giá trị còn lại tại ngày 30/06/2026 của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 1.281.401.873 đồng (tại ngày 01/01/2026 là 1.507.975.871 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Tổng công ty đầu tư nước và môi trường Việt Nam - CTCP	12.966.528.668	12.966.528.668	21.256.401.912	21.256.401.912
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Công nghiệp Ánh Dương	-	-	-	-
- Công ty TNHH Thẻ Thao và Giải trí Thiên Mã	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hà Minh Anh	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Hưng Thái	54.514.096	54.514.096	54.514.096	54.514.096
- Công ty TNHH tư vấn và đầu tư quốc tế AVICC	8.183.403.250	8.183.403.250	-	-
- Các đối tượng khác	2.536.384.618	2.536.384.618	560.721.853	560.721.853
Cộng	23.740.830.632	23.740.830.632	21.871.637.861	21.871.637.861

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.027.879.000	1.027.879.000	4.450.592.820	4.450.592.820
- Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình cấp nước, thoát nước và môi trường thành phố Hà Nội	827.879.000	827.879.000	827.879.000	827.879.000
- Công ty Cổ phần - Trung tâm Phân tích và Môi trường	-	-	3.240.000.000	3.240.000.000
- Bộ Nông Lâm nghiệp Lào	-	-	182.713.820	182.713.820
- Công ty Cổ phần Đầu tư Môi trường đô thị AI	200.000.000	200.000.000	200.000.000	200.000.000
- Các đối tượng khác	-	-	-	-
Cộng	1.027.879.000	1.027.879.000	4.450.592.820	4.450.592.820

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2026	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2026
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	3.083.309.097	-	-	3.083.309.097
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	152.032.492	2.199.469.560	301.384.675	2.050.117.377
- Thuế thu nhập cá nhân	311.154.174	588.401.035	444.037.462	455.517.747
- Các loại thuế khác	15.751.419	292.967.126	89.464.340	219.254.205
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	49.798.519	49.798.519	-
	3.562.247.182	3.130.636.240	884.684.996	5.808.198.426

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	30/06/2026		Trong kỳ		01/01/2026	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
a) Vay ngắn hạn	129.397.426.396	129.397.426.396	152.348.161.316	102.447.578.051	79.496.843.131	79.496.843.131
- Vay ngắn hạn	129.397.426.396	129.397.426.396	152.348.161.316	102.447.578.051	79.496.843.131	79.496.843.131
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và PT Việt Nam - CN Cầu Giấy (1)	44.225.753.460	44.225.753.460	44.225.753.460	44.505.053.848	44.505.053.848	44.505.053.848
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Tây Hồ (2)	63.693.672.936	63.693.672.936	81.422.407.856	51.720.524.203	33.991.789.283	33.991.789.283
- Bà Nguyễn Hoàng Ánh (3)	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
- Bà Nguyễn Như Quỳnh (4)	19.878.000.000	19.878.000.000	26.100.000.000	6.222.000.000	-	-
- Công ty CP Nước Thuận Thành (5)	600.000.000	600.000.000	600.000.000	-	-	-
b) Vay dài hạn	260.900.000.000	260.900.000.000	122.680.750.661	3.000.000.000	141.219.249.339	141.219.249.339
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng (6)	160.900.000.000	160.900.000.000	22.680.750.661	3.000.000.000	141.219.249.339	141.219.249.339
- Công ty CP Nước Thuận Thành (7)	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-
Cộng	390.297.426.396	390.297.426.396	275.028.911.977	105.447.578.051	220.716.092.470	220.716.092.470

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2026/135099/HĐTD ngày 25/03/2026, hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 50.000.000.000 VND gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

(2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 357983.25.004 ngày 11/12/2025, hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 85.000.000.000 VND gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Mục đích cấp tín dụng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thiết bị điện, thiết bị ngành nước, vật liệu xây dựng. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 19/11/2026. Lãi suất vay được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(3) Hợp đồng vay tiền số 1612/2020/HĐVT ngày 16/12/2020 với bà Nguyễn Hoàng Ánh, tổng số tiền vay 1.000.000.000 VND, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày nhận được tiền, lãi suất 10%/năm từ 16/12/2020 - 19/03/2023; phụ lục hợp đồng vay số 03 điều chỉnh lãi suất lên 13%/năm từ 20/03/2023 - 15/12/2023. Phụ lục hợp đồng số 05 gia hạn khoản vay đến 15/12/2025 và lãi suất 10%/năm. Phụ lục hợp đồng số 06 gia hạn khoản vay đến 15/12/2026 và lãi suất giữ nguyên 10%/năm.

(4) Hợp đồng vay tiền số 12032026 ngày 12/03/2026 với bà Nguyễn Như Quỳnh, tổng số tiền vay 21.000.000.000 VND, thời hạn vay 03 tháng từ 12/03/2026 - 12/06/2026, lãi suất 20%/năm.

Hợp đồng vay tiền số 05032026 ngày 05/03/2026 với bà Nguyễn Như Quỳnh, tổng số tiền vay 5.100.000.000 VND, thời hạn vay 03 tháng từ 05/03/2026 - 05/06/2026, lãi suất 20%/năm.

(5) Hợp đồng vay tiền số 15062026 ngày 15/06/2026, số tiền vay 600.000.000 VND, thời hạn vay dự kiến là 31/12/2026, lãi suất 12%/năm

(6) Hợp đồng cho vay từng lần số 02/2024-HĐCVDAĐT/NHCT142-HALCOM ngày 06/08/2024, hạn mức tín dụng là 184.000.000.000 VND. Thời hạn vay tối đa 132 tháng tính từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay được xác định vào ngày giải ngân khoản Nợ và được điều chỉnh vào ngày 25 của tháng cuối cùng của thời hạn điều chỉnh lãi suất. Trong đó:

- Giới hạn cho vay ngắn hạn là 20.000.000.000 VND với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty,
- Giới hạn cho vay dài hạn là 164.000.000.000 VND với mục đích tài trợ Dự án Hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nhơn Hội - Giai đoạn 1.

(7) Đây là khoản nhận góp vốn để thực hiện Hợp tác đầu tư phát triển dự án Hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nhơn Hội theo Hợp đồng số 0108/2025/BCC ngày 01/08/2025. Thời gian hợp tác là 10 năm. Việc phân chia lợi nhuận sẽ được chia vào năm thứ 3 với lãi suất 10%, các năm tiếp theo sẽ ký phụ lục Hợp đồng điều chỉnh và do hai bên thỏa thuận tùy thuộc vào tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	-	1.059.472.625
- Các chi phí khác	745.449.649	745.449.649
Cộng	745.449.649	1.804.922.274

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.588.280.597	42.421.900.732
- Kinh phí công đoàn	44.854.411	2.208.661
- Các khoản chi phí bảo hiểm	95.156.800	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.448.269.386	42.419.692.071
+ Công ty Cổ phần Nước Halcom-Nhon Hội	-	9.638.067.780
+ Nguyễn Hồng Giang (*)	-	32.619.992.656
+ Công ty Cổ phần – Trung tâm phân tích và môi trường (**)	3.240.000.000	-
+ Các khoản phải trả khác	208.269.386	161.631.635
b) Dài hạn	-	100.000.000.000
- Công ty Cổ phần nước Thuận Thành (***)	-	100.000.000.000
Cộng	3.588.280.597	142.421.900.732

(*) Đây là khoản phải trả theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 03/2025/HDCN/NHG-HALCOM ngày 27/11/2025.

(**) Đây là khoản phải trả Công ty cổ phần – Trung tâm phân tích và môi trường.

(***) Đây là khoản nhận góp vốn để thực hiện Hợp tác đầu tư phát triển dự án Hệ thống cấp nước Khu kinh tế Nhơn Hội theo Hợp đồng số 0108/2025/BCC ngày 01/08/2025. Thời gian hợp tác là 10 năm. Việc phân chia lợi nhuận sẽ được chia vào năm thứ 3 với lãi suất 10%, các năm tiếp theo sẽ ký phụ lục Hợp đồng điều chỉnh và do hai bên thỏa thuận tùy thuộc vào tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Halcom Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***19. VỐN CHỦ SỞ HỮU****19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/04/2025	767.650.320.000	536.587.297	(58.859.397)	2.040.795.104	21.802.532.306	791.971.375.310
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	(2.638.116.212)	(2.638.116.212)
31/12/2025	767.650.320.000	536.587.297	(58.859.397)	2.040.795.104	19.164.416.094	789.333.259.098
01/01/2026	767.650.320.000	536.587.297	(58.859.397)	2.040.795.104	19.164.416.094	789.333.259.098
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	10.585.317.481	10.585.317.481
30/06/2026	767.650.320.000	536.587.297	(58.859.397)	2.040.795.104	29.749.733.575	799.918.576.579

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
+ Ông Nguyễn Quang Huân	204.648.720.000	204.648.720.000
+ Bà Bùi Thị Xuyên	40.000.000.000	40.000.000.000
+ Bà Trần Bắc Mỹ	40.000.000.000	40.000.000.000
+ Bà Vũ Thị Bích Liên	40.000.000.000	40.000.000.000
+ Các cổ đông khác	443.001.600.000	443.001.600.000
Cộng	767.650.320.000	767.650.320.000

19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025
	VND	VND
+ Vốn góp đầu năm	767.650.320.000	767.650.320.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	767.650.320.000	767.650.320.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

19.4 CỔ PHIẾU

	30/06/2026	01/01/2026
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	76.765.032	76.765.032
+ Cổ phiếu phổ thông	76.765.032	76.765.032
Số lượng cổ phiếu được mua lại	8.711	8.711
+ Cổ phiếu phổ thông	8.711	8.711
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	76.756.321	76.756.321
+ Cổ phiếu phổ thông	76.756.321	76.756.321
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2026	01/01/2026
Ngoại tệ các loại:		
Dollar Mỹ (USD)	299,67	289,40
Euro (EUR)	233,78	233,78

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025 VND
- Doanh thu bán hàng	150.796.006.431	112.512.377.506
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.468.754.256	118.080.544.563
Cộng	154.264.760.687	230.592.922.069

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025 VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	140.697.767.410	107.849.034.432
- Giá vốn doanh thu cung cấp dịch vụ	1.778.080.909	10.563.423.655
Cộng	142.475.848.319	118.412.458.087

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.547.309.413	119.100.534
Cộng	1.547.309.413	119.100.534

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025 VND
- Chi phí lãi vay	4.295.235.434	3.594.080.632
- Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty con	(15.935.939.073)	22.160.674.794
- Chi phí tài chính khác	1.461.298.960	1.086.375.735
Cộng	(10.179.404.679)	26.841.131.161

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025
	VND	VND
- Chi phí nhân viên quản lý	7.074.416.744	3.830.438.274
- Chi phí đồ dùng văn phòng	81.043.688	100.787.739
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	226.573.998	226.573.998
- Chi phí dự phòng	0	(185.326.239)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.770.143.960	3.892.545.673
- Chi phí bằng tiền khác	521.620.305	16.150.360.829
Cộng	10.673.798.695	24.015.380.274

26. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025
	VND	VND
- Các khoản khác	5.918.350	105.057
Cộng	5.918.350	105.057

27. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025
	VND	VND
- Tiền chậm nộp thuế, bảo hiểm, khác	62.959.074	23.021.696
Cộng	62.959.074	23.021.696

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.784.787.041	61.420.136.442
Các khoản chi phí không được khấu trừ	209.533.074	169.595.696
- Chi phí không được trừ khi tính thuế	209.533.074	169.595.696
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	12.994.320.115	61.589.732.138
Chuyển lỗ	-	-
Tổng thu nhập tính thuế trong kỳ	12.994.320.115	61.589.732.138
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	2.199.469.560	12.317.946.428
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.199.469.560	12.317.946.428

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu trong Báo cáo tài chính riêng này.

31. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

31.1 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan cá nhân

Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng, người phụ trách công bố thông tin và các thành viên thân cận trong gia đình chức trách chủ chốt được xác định là bên liên quan của Công ty.

Danh sách các bên liên quan tổ chức

Tên tổ chức	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần phát triển Đô thị Cần Thơ	Công ty con
Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	Công ty con
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện gió Halcom - Quảng Bình	Công ty con
Công ty Cổ phần Điện mặt trời Halcom - Hậu Giang	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư và Ứng dụng công nghệ môi	Công ty con
Công ty Cổ phần Halcom (Cambodia)	Công ty con
Công ty Cổ phần Khoáng sản Sao Phương Bắc	Công ty con gián tiếp

31.2 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025 VND
Mua hàng hóa, dịch vụ của bên liên quan		
Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	2.061.296.061	-
Bà Vũ Thị Minh Hằng	295.670.732	264.239.149
Ông Nguyễn Tiến Hân	103.405.500	114.895.000
Bà Lê Kim Anh	680.283.334	705.283.334
Ông Nguyễn Quang Hưng	1.116.200.000	-
	4.256.855.627	1.084.417.483
Bán hàng hóa, dịch vụ cho bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	277.777.776	277.777.776
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	-	6.211.497.000
	277.777.776	6.489.274.776

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025 VND
Doanh thu tài chính		
- Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	1.487.267.671	115.923.288
- Công ty TNHH Đầu tư và ứng dụng công nghệ môi trường miền Bắc	58.630.136	
	1.545.897.807	115.923.288
Chi phí tài chính		
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	-	42.886.666
	-	42.886.666
Đi vay		
- Bà Trần Thị Diệu	-	750.000.000
- Ông Nguyễn Quang Huân	5.100.000.000	-
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	600.000.000	7.725.000.000
	5.700.000.000	8.475.000.000
Cho vay		
- Công ty TNHH Đầu tư và ứng dụng công nghệ môi trường miền Bắc	1.000.000.000	-
- Công ty CP Phong điện miền Trung	943.500.000	7.600.000.000
	1.943.500.000	7.600.000.000

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những người quản lý khác

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và những người quản lý khác

		Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/04/2025 đến 30/09/2025 VND
Hội đồng quản trị		1.476.378.510	1.280.199.577
Ông Nguyễn Quang Huân	Chủ tịch	1.328.735.931	1.198.978.261
Ông Nguyễn Việt Dũng	Phó Chủ tịch	87.642.579	81.221.316
Ông Đoàn Năng Liễn	Thành viên	60.000.000	-
Ban Tổng giám đốc		416.000.001	1.311.584.357
Ông Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	416.000.001	415.863.637
Bà Hà Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	-	456.431.514
Ông Đỗ Tiến Anh	Phó Tổng Giám đốc	-	439.289.206
Ban kiểm soát		99.999.996	100.040.000
Bà Bùi Thị Xuyên	Trưởng ban	90.000.000	90.000.000
Bà Trần Thị Minh Huệ	Thành viên	4.999.998	5.020.000
Ông Nguyễn Đức Quyết	Thành viên	4.999.998	5.020.000
Những người quản lý khác		1.745.841.491	2.095.714.509
Tổng cộng Thu nhập của Hội đồng quản trị và		3.738.219.998	4.787.538.443

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

31.3 SƠ ĐU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Phải thu khách hàng		
- Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	100.000.000	400.000.000
	100.000.000	400.000.000
Phải thu khác		
- Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	-	496.742.466
- Công ty TNHH Đầu tư và ứng dụng công nghệ môi trường miền Bắc	-	250.000.007
	-	746.742.473
Phải thu về cho vay		
- Công ty Cổ phần Phong Điện Miền Trung	19.752.954.794	19.700.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư và ứng dụng công nghệ môi trường miền Bắc	1.058.630.136	-
	20.811.584.930	19.700.000.000
Trả trước cho người bán		
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	240.411.338	-
- Công ty TNHH Halcom (Cambodia)	1.354.600.000	1.354.600.000
	1.595.011.338	1.354.600.000
Phải trả khác		
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Sao Phương Bắc	46.620.000	46.620.000
- Công ty Cổ phần Nước Thuận Thành	100.000.000.000	100.000.000.000
	100.046.620.000	100.046.620.000

32. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng này.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/04/2025 đến ngày 30/09/2025; do khác biệt về kỳ kế toán nên các số liệu này không có tính so sánh với số liệu của kỳ hiện tại.

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026

Người lập biểu



Tô Thị Minh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Bích Ngọc

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Quang Huân

